TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 09-10 -2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Ông Triệu Quốc Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Trúc Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2019/TLPT – HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về: "Tranh chấp ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2019/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Tiêu Thành T; cư trú tại: Ấp P, xã Bình H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị Trương Thị Thanh H; cư trú tại: Ấp P, xã Bình H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Chị Trương Thị Thanh H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Tiêu Thành T trình bày: Vào năm 1986 anh và chị Trương Thị Thanh H quen biết, tìm hiểu nhau, sau đó tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng hay cự

cãi nhau. Chị H làm gì, tự quyết định không thông qua anh. Anh cố gắng chịu đựng, nhường nhịn để cuộc sống gia đình được ổn định. Hiện nay vợ chồng còn sống chung nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm không còn, việc ai người đó làm, vì vậy anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Tiêu Văn C, sinh năm 1987 và Tiêu Thị Kim Y, sinh năm 1993, các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Trương Thị Thanh H trình bày: Chị và anh T tổ chức đám cưới vào năm 1986 nhưng không có đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn giữa vợ chồng không trầm trọng, chỉ có chuyện tiền bạc nhưng không quan trọng. Vợ chồng chị vẫn sống chung nhà, khi Tòa án mời chị mới biết anh T nộp đơn ly hôn. Việc gây nợ là do con trai chị hỏi vay tiền, vì thương con nên chị phải trả nợ thay. Khoảng 02 tháng nay chị phát hiện anh T có quen người phụ nữ khác nên yêu cầu ly hôn với chị, hiện tại chị còn thương anh T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung như anh T trình bày.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2019/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Tiêu Thành T được ly hôn với chị Trương Thị Thanh H.

Về con chung: Cháu Tiêu Văn C và Tiêu Thị Kim Y đã trưởng thành. Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/7/2019, bị đơn chị Trương Thị Thanh H kháng cáo không đồng ý ly hôn với anh Tiêu Thành T. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh T và chị H kết hôn vào năm 1986, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn, vợ chồng đã có thời gian dài chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Nhận thấy quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị H được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 có hiệu lực), căn cứ quy định tại Điểm a Điều 3 Nghị quyết số 35/NQ-QH 10ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Nhận thấy sau khi kết hôn vợ chồng anh T chung sống hạnh phúc được nhiều năm mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T trình bày do quan điểm sống của vợ chồng không phù hợp, chị H không minh bạch trong tài chính, nhiều lần gây nợ nên vợ chồng hay cự cãi nhau. Chị H không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn như anh T trình bày, hai người vẫn còn chung sống với nhau, anh T bị bệnh chị có đưa anh T khi khám, chữa bệnh. Việc vay nợ người khác là do con trai gây ra, anh T cũng biết việc này và đồng ý chuyển nhượng đất để trả nợ. Chị H cho rằng khoảng 02 tháng nay, anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, dẫn đến việc ly hôn. Chị H vẫn còn yêu thương anh T và muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm sóc gia đình. Nhận thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ và thực hiện các công việc của gia đình.

Xét thấy anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị H là không có cơ sở chấp nhận vì anh không có căn cứ chứng minh về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Thực tế anh T và chị H vẫn còn chung sống với nhau, còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H mâu thuẫn chưa trầm trọng, có khả năng hàn gắn được. Xét thấy án sơ thẩm giải quyết cho anh T được ly hôn với chị H là chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận kháng cáo của chị H và sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

[2] Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H về việc yêu cầu đoàn tụ và sửa bản án sơ thẩm. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trương Thị Thanh H và sửa Bản án sơ thẩm số 79/2019/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của anh Tiêu Thành T về việc anh T yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị Thanh H.

2. Án phí: Anh Tiêu Thành T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do anh nộp theo biên lai thu số 2393 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Long được khấu trừ. Chị Trương Thị Thanh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho chị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 5037 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- TANDHL: 01b;
- THADSHL: 02b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Tuấn